

BẢNG THUYẾT MINH

Một số nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Báo cáo số 104/BC-STP ngày 09/6/2023 của Sở Tư pháp)

I. 02 nội dung, mức chi không thay đổi so với Thông tư số 09/2023/TT-BTC, Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP và Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐND

STT	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND	Thông tư số 09/2023/TT-BTC	Dự thảo Nghị quyết mới	Thuyết minh dự kiến mức chi
1	Chỉ cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra	Chỉ cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chỉ cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	
a	Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi.	Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.	Chủ trì cuộc họp: - Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; - Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi; - Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.	- Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND - Bổ sung mới mức chi cấp xã
b	Các thành viên tham dự: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;	Các thành viên tham dự:	Các thành viên tham dự:	- Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-

	Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi.	100.000 đồng/người/buổi	- Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; - Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; - Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.	HĐND - Bổ sung mới mức chi cấp xã
2	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	
	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn: - Cấp tỉnh: 70.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản) - Cấp huyện: 60.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản).	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn: 70.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản).	- Cấp tỉnh: 70.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản) - Cấp huyện: 60.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản). - Cấp xã: 50.000 đồng/01 tài liệu (01 văn bản).	- Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND - Bổ sung mới mức chi cấp xã

II. 04 nội dung, mức chi thực hiện theo hóa đơn, chứng từ không thay đổi tại Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND, Thông tư số 09/2023/TT-BTC và dự thảo Nghị quyết mới

STT	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND	Thông tư số 09/2023/TT-BTC	Dự thảo Nghị quyết mới	Thuyết minh mức chi
1	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND

2	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND
3	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí: Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: - Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí...phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí: Mức chi theo chứng từ chi hợp pháp	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: - Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí...phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí: Mức chi theo chứng từ chi hợp pháp	Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND
4	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm...: Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm...: Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.	Giữ nguyên như Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND

III. 05 nội dung, mức chi dự thảo Nghị quyết đề xuất tăng do Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định tăng mức chi

STT	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND	Thông tư số 09/2023/TT-BTC	Dự thảo Nghị quyết mới	Mức đề xuất so với Thông tư số 09/2023/TT-BTC	Mức tăng so với Nghị quyết số 04/2012/NQ- HĐND
1	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp: - Cấp tỉnh: 600.000/01 báo cáo/01 văn bản; - Cấp huyện: 500.000/01 báo cáo/01 văn bản.	Chi lấy ý kiến chuyên gia: 1.500.000 đồng/văn bản	- Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 1.200.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 80%.	- Cấp tỉnh tăng 150%; - Cấp huyện tăng trên 140%.

2	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản: - Cấp tỉnh: 100.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 80.000 đồng/văn bản.	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: - Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: 250.000 đồng/văn bản.	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: - Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: + Cấp tỉnh 250.000 đồng/văn bản; + Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 80%.	- Cấp tỉnh tăng 150%; - Cấp huyện tăng 150%.
		- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: 500.000 đồng/văn bản	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: + Cấp tỉnh 500.000 đồng/văn bản; + Cấp huyện: 400.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 80%.	- Cấp tỉnh tăng 400%; - Cấp huyện tăng 400%.
3	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản		
a	Mức chi chung: - Cấp tỉnh: 140.000/01 văn bản; - Cấp huyện 100.000/01 văn bản.	Mức chi chung: 300.000 đồng/văn bản	Mức chi chung: - Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 67%.	- Cấp tỉnh tăng 114%; - Cấp huyện tăng 100%.
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp:	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư	- Cấp tỉnh tăng 100%;

	chuyên môn phức tạp: - Cấp tỉnh: 300.000/01 văn bản; - Cấp huyện 200.000/01 văn bản.	600.000 đồng/văn bản	phức tạp: - Cấp tỉnh: 600.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 500.000 đồng/văn bản.	số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 83%.	- Cấp huyện tăng 150%.
4	Chi soạn thảo, viết báo cáo	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản		
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật: - Cấp tỉnh: 200.000/01 báo cáo; - Cấp huyện: 150.000/01 báo cáo.	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp: 400.000 /báo cáo.	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp: - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo/văn bản; - Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo/văn bản.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 75%; - Cấp xã bằng 50%.	- Cấp tỉnh tăng 100%; - Cấp huyện: 100%. - Bổ sung cấp xã
		Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.		

		bản.			
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực: - Cấp tỉnh: 1.000.000/01 báo cáo; - Cấp huyện: 800.000/01 báo cáo.	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 7.000.000 đồng/báo cáo. - Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập: 3.000.000 đồng/báo cáo. - Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập: 1.500.000 đồng/báo cáo.	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân: + Cấp tỉnh: 7.000.000 đồng/báo cáo; + Cấp huyện: 2.500.000 đồng/báo cáo; + Cấp xã: 1.200.000 đồng/báo cáo.	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC. - Cấp huyện bằng 83%; - Cấp xã bằng 80%.	- Cấp tỉnh tăng 600%. - Cấp huyện tăng 212,5%. - Bổ sung mới mức chi cấp xã.
			- Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo.	Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC;	Cấp tỉnh tăng 200%.
			- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập: Cấp huyện: 1.500.000 đồng/báo cáo.	Cấp huyện bằng mức tối đa của Thông tư số 09/2023/TT-BTC;	Cấp huyện tăng 87,5%
5	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:		
	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao	- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản,	- Cấp tỉnh bằng mức tối đa của Thông tư	- Cấp tỉnh tăng 50%.

hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/văn bản, cấp huyện: 80.000 đồng/văn bản.	hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: 150.000 đồng/văn bản.	- Cấp huyện: 120.000 đồng/văn bản; - Cấp xã: 90.000 đồng/văn bản.	số 09/2023/TT-BTC; - Cấp huyện bằng 80%. - Cấp xã bằng 60%.	- Cấp huyện tăng 50%. - Bổ sung mới cấp xã
---	--	---	--	--

IV. 01 nội dung có quy định tại Nghị quyết 04, đề nghị bỏ do không quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC

STT	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND	Thông tư số 09/2023/TT-BTC	Dự thảo Nghị quyết mới	Ghi chú
1	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan: - Cấp tỉnh: 1.500.000/01 báo cáo - Cấp huyện: 1.200.000/01 báo cáo	Thông tư không quy định nội dung này	Bỏ không quy định nội dung này tại Nghị quyết mới	

V. 04 nội dung, mức chi mới được quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC (Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND không có):

STT	Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết mới	Thông tư số 09/2023/TT-BTC		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã

1	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp): 900.000 đồng/ 01 lần chỉnh lý.	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp): - Cấp tỉnh: 900.000 đồng/01 lần chỉnh lý ; - Cấp huyện: 600.000 đồng/01 lần chỉnh lý; - Cấp xã: 400.000 đồng/01 lần chỉnh lý.	100%	67%	45%
2	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/văn bản - Cấp huyện: 150.000 đồng/văn bản; - Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.	100%	80%	60%
3	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản: Từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh: 250.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản; - Cấp xã: 150.000 đồng/văn bản.	100%	80%	60%
4	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: 150.000 đồng/văn bản.	- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/văn bản; - Cấp huyện: 120.000 đồng/văn bản.	100%	80%	